

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 47/2023/DSPT
Ngày 12 – 01 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, bà Đinh Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T đối với Bản án sơ thẩm số 156/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn số 03/2023/QĐ-PT ngày 05/01/2023, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Trúc H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Võ Hữu D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Phường TL2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Ngô Thị Trúc H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn với bà Nguyễn Thị T, biết bà T là người chuyên cho vay tiền góp, nên từ năm 2018 đến năm 2021, bà Ngô Thị Trúc H đã cho bà Nguyễn Thị T vay rất nhiều lần tiền bằng hình thức chuyển khoản với tổng

số tiền là 4.413.249.600 đồng, toàn bộ số tiền trên được chuyển từ tài khoản của bà H là 104000415426 mở tại Ngân hàng V sang số tài khoản 0231000589306 mở tại Ngân hàng V2, chi nhánh B mang tên Nguyễn Thị T, lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất quy định của pháp luật.

Quá trình vay bà T đã trả cho bà H được tổng số tiền 1.134.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 3.279.249.600 đồng, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cố tình trốn tránh, không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T trả số tiền còn nợ gốc là 3.279.249.600 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 3.279.249.600 đồng và xin rút yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Võ Hữu D trình bày:

Bà Ngô Thị Trúc H có quen biết với bà Nguyễn Thị T nên từ năm 2018 bà H đã mượn tiền của bà T. Sau khi mượn tiền, hàng ngày bà H đã trả tiền góp rất nhiều hình thức có khi trả tiền mặt cho bà T, có khi bà H chuyển trả tiền qua tài khoản của bà T mở tại các Ngân hàng.

Trong quá trình làm ăn bà H nói với bà T có nhiều người cần mượn tiền góp để kinh doanh buôn bán nên bà T đã đồng ý cho bà H mượn nhiều tiền và tính theo suất, mỗi suất bà H cho vay lại để hưởng chênh lệch 01 triệu đồng/1suất, đồng thời bà H có trách nhiệm trả góp hàng ngày cho bà T các suất của mình vay và những suất bà H cho người khác, nhưng có nhiều ngày bà H không trả góp đúng thời gian như hai bên đã thỏa thuận. Tính từ năm 2018 đến tháng 02 năm 2021, bà H kinh doanh buôn bán bị thua lỗ, mất khả năng trả nợ nên có những tin nhắn với nội dung năn nỉ, van xin bà T để mượn tiền. Sau nhiều ngày bà T nhắn tin giục bà H chuyển tiền để góp hàng ngày thì bà H nhắn tin để xin khất nợ như sau:

Vào lúc 17 giờ 36 phút ngày 25/01/2021 như sau: *“Chị ơi toàn bộ mấy người nói cho họ tiền đứng vì năm nay em nhà không đi đâu. Mừng 2 em đã làm rồi...ủa, chị có sao báo cho em với nha, hàng hóa mấy đứa nó vô hàng Tết bán, ai cũng cần hàng cuối năm, cơ quan năm nay nghỉ sớm, thấy tụi nó năn nỉ hết lời nó nói năm ngoái chị T cho tụi em cũng 20 ngày; Năm nay ưu tiên cho tụi em nha; Giờ ý chị sao?; Năm nay em không có đi chơi; Mừng 2 em làm rồi”*.

Vào lúc 12 giờ 18 phút ngày 04 tháng 2 năm 2021, bà H đã nhắn cho bà T nội dung sau: *“Em đang đi chết đây, chị cứ vui đi”* sau đó vào lúc 13 giờ 02 phút ngày 04 tháng 2 năm 2021 bà T đã nhắn cho bà H với nội dung sau: *“Em nợ chị em không trả em còn đi nói ngược ngạo. Con người đã sai còn đi làm chuyện ác. Gieo nhân nào thì gặt quả đó!”*.

Theo bà Nguyễn Thị Trúc thì bà Ngô Thị Trúc H là người mượn tiền góp của bà mà còn làm Đơn khởi kiện bà T “ Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà T thừa nhận số tiền chuyển từ tài khoản của bà H sang tài khoản của bà

T từ năm 2018 đến năm 2021 là 4.413.249.600 đồng, trong đó bà T đã chuyển cho bà H 1.134.000.000 đồng, còn lại 3.279.249.600 đồng. Đây là số tiền bà H chuyển trả tiền góp hàng ngày cho bà T, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà T xác định khoản tiền bà H chuyển khoản cho bà T là tiền của cá nhân bà T, nên không liên quan đến ai khác và vợ chồng bà T đã ly hôn từ năm 2011 và không biết, không liên quan gì đến khoản tiền trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Trúc H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số tiền vay gốc còn nợ cho nguyên đơn bà Ngô Thị Trúc H là 3.279.249.600 đồng (ba tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn chín nghìn sáu trăm đồng).

Về lãi suất nguyên đơn bà Ngô Thị Trúc H không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tên bị đơn; khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất không gửi và thông báo quyết định cho đương sự. Đơn khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án ngày 11/5/2022 nhưng trước đó 10 ngày (tức là ngày 01/5/2022) đã có thông báo thụ lý vụ án. Đề nghị Tòa án xác định đúng ai là người vay và ai là người cho vay. Bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện ủy quyền của bà T thừa nhận số tiền 4.413.249.600 đồng là số tiền bà H đã chuyển khoản cho bà T, sau khi nhận được số tiền trên hai bên làm ăn với nhau và bà T cũng đã chuyển khoản lại cho bà H số tiền 1.134.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này là tiền trước đó bà T cho bà H vay bằng tiền mặt, sau đó bà H chuyển cho bà T để trả nợ tiền vay góp hàng ngày. Theo phương thức vay mỗi suất cụ thể như sau: Bà T cho bà H vay 01 suất với số tiền 112.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 4.000.000 đồng và trong vòng 30 ngày, tổng là 120.000.000 đồng. Như vậy, mỗi tháng 01 suất bà T hưởng tiền chênh lệch là 8.000.000 đồng, sau khi vay tiền của bà T, bà H cho người khác vay lại và bà H được hưởng lời của 01 suất là 1.000.000 đồng. Số tiền bà H vay của bà T bằng tiền mặt, hai bên có ký nhận vào sổ hiện tại bà H đang giữ. Nay bà H khởi kiện đòi nợ bà T nhưng bà H cố tình không cung cấp cuốn sổ trên. Do đó, bị đơn bà T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H giao nộp 02 cuốn sổ trên để chứng minh cho yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Từ năm 2018 đến năm 2021, bà H cho bà T vay nhiều lần bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản của bà H qua tài khoản của bà T, thời gian này bà H với ông Lưu Kim T1 (chồng bà H) chưa ly hôn nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với nội dung này là thiếu sót. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ thể hiện: Ngoài số tiền cho bà T vay, còn có các khoản bà H trả tiền mua hàng, tiền mua quần áo, đóng tiền huê nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra, đối chất làm rõ.

Xét thấy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện các khoản tiền bà H chuyển cho bà T phát sinh trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, thời điểm đó ông Lưu Kim T1 và bà Ngô Thị Trúc H chưa ly hôn (ông T1 và bà H ly hôn ngày 17/02/2021), nhưng Tòa sơ thẩm không triệu tập ông Lưu Kim T1 chồng của bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.2] Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả lại số tiền 3.279.249.600đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút phần yêu cầu tính lãi suất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với nội dung này mà nhận định phần lãi suất nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả nên không đặt ra giải quyết là không đúng.

[2.3] Từ năm 2018 đến năm 2021, bà Ngô Thị Trúc H (chủ sử dụng số tài khoản 104000415426) đã nhiều lần chuyển tiền vào số tài khoản số 0231000589306 do bà Nguyễn Thị T làm chủ, với tổng số tiền là 4.413.249.600 đồng. Đồng thời, trong thời gian này bà T cũng thực hiện nhiều giao dịch chuyển tiền vào số tài khoản 104000415426 của bà H với tổng số tiền 1.134.000.000 đồng. Nội dung này được các bên đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Nguyên đơn bà Ngô Thị Trúc H cho rằng, số tiền 4.413.249.600 đồng mà bà H chuyển cho bà T là tiền bà H cho bà T vay tiền góp và một phần là đóng tiền huê.

[2.5] Trong khi đó, bị đơn lại cho rằng, từ năm 2018 đến năm 2021, bà T cho bà H vay tiền góp nên số tiền 4.413.249.600 đồng mà bà H chuyển vào số tài khoản của bà T là tiền bà H trả góp tiền vay hàng ngày. Phương thức cho vay góp mỗi suất cụ thể như sau: Bà T cho bà H vay 01 suất với số tiền 112.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 4.000.000 đồng và trả trong vòng 30 ngày tổng cộng là 120.000.000 đồng. Như vậy mỗi tháng 01 suất bà T hưởng tiền chênh lệch 8.000.000 đồng. Sau khi vay của bà T thì bà H cho người khác vay lại và được Hạnh hưởng mỗi suất 1.000.000 đồng. Cùng một thời điểm bà T cho bà H vay nhiều suất khác nhau. Khi đưa tiền vay góp cho bà H thì bà T đưa tiền mặt và có ghi vào 01 cuốn sổ do bà H giữ, trường hợp thiếu tiền mặt thì bà T chuyển khoản cho đủ số tiền 01 suất là 112.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền 1.134.000.000 đồng mà bà T chuyển vào tài khoản của bà H không phải là tiền của bà T trả nợ mà là tiền cho bà H vay góp. Nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ngoài số tiền 4.413.249.600 đồng thì còn nhiều khoản tiền các bên đương sự kê khai đã chuyển qua lại cho nhau có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không.

[2.6] Tại bút lục số 720 (tài liệu do bị đơn cung cấp) bà T nhắn tin cho bà H với nội dung: “E đóng huê cho chị nha”; Tại bút lục số 549 (tài liệu do nguyên đơn cung cấp) bà T nhắn tin cho bà H với nội dung: “E đóng huê cho chị nha” thì bà H trả lời: “em đang trên ngân hàng – em đang chuyển cho chị đây”. Như vậy,

có căn cứ xác định trong số tiền 4.413.249.600 đồng mà bà H chuyển khoản cho bà T thì có cả tiền mà bà H đóng tiền huê. Tuy nhiên, cấp cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền bà H đóng tiền huê là bao nhiêu?

Theo các chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng thể hiện:

Tại Giấy báo nợ ngày 25/3/2020 (BL417) bà H chuyển cho bà T số tiền 20.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 30/3/2020 (BL415) bà H chuyển cho bà T 15.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 11/4/2020 (BL413) bà H chuyển cho bà T 20.000.000đ, nội dung chuyển khoản đều là “Ngô Thị Trúc H **chuyển tiền hàng quần áo**”;

Giấy báo nợ ngày 16/4/2020 (BL407) và ngày 17/4/2020 (BL406) bà H chuyển cho bà T 02 lần mỗi lần 15.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 23/4/2020 (BL400) bà H chuyển cho bà T 20.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 05/5/2020 (BL397) chuyển 10.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 07/5/2020 (BL394) chuyển 30.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 08/5/2020 (BL393) chuyển 20.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 13/5/2020 (BL389) chuyển 20.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 15/5/2020 (BL388) chuyển 50.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 03/6/2020 (BL381); Giấy báo nợ ngày 11/6/2020 (BL377) chuyển 50.000.000đ; Giấy báo nợ ngày 17/6/2020 (BL375) chuyển 10.000.000 đồng; nội dung chuyển khoản đều là “Ngô Thị Trúc H **chuyển tiền hàng**”;

Tại mục tin nhắn (BL 490) có nội dung bà T nhắn tin cho bà H “Ngày m7 có 03 suất chị rút bớt 1 suất nha..E coi chuyển chứ dồn nhiều quá”; ..Ngày 10/10/2020 “Nhận của bé 35tr -5tr6 (tc 50.600 đã trừ số) = 29.400k”.

Tại BL576 bà H nhắn tin cho bà T với nội dung: “Em chích trong tiền lời tháng này của chị cho – Con em tháng này không học thêm nên cũng OK”; Tại các BL 557-563 là hình chụp ảnh số; Tại BL526 bà T nhắn tin cho bà H “Th6 là nợ 96, hn thêm 4 ngày nữa mà em chưa đưa hết cái cũ” thì bà H trả lời: “sáng mai em chuyển cho chị 40 chị nha”; tại BL513 bà T nhắn tin cho bà H “100tr này em chuyển khoản là dứt 300tr còn 20tr tiền lời nha – Em chuyển tiền cho chị nha chứ dồn nhiều quá nè” thì bà H trả lời “Dạ chị”; tại BL500 bà H nhắn tin “Chứ em kiếm xuất 1tr thôi”.

Tại BL755 thể hiện có giao dịch từ tài khoản Agribank; Tại BL754 bà T nhắn tin cho bà H “Em chuyển qua số tài khoản này nha Nguyễn Thị T 120114849095483 Eximbank Đắk Lắk”; Tại BL750 bà T nhắn tin cho bà H “Ngày 20, 21 Tc 32tr. Hn 21đưa thêm 8tr + 32tr = 112tr. Ngày 21 đóng 132tr e nha. Mai một e chuyển tiền qua stk Nguyễn Thị T 120114849095483 Eximbank Đắk Lắk e nha”. Như vậy, ngoài số tài khoản 0231000589306 thì bà Nguyễn Thị T còn có tài khoản ngân hàng khác nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ, quá trình vay và cho vay hai bên có thực hiện giao dịch qua các tài khoản nào khác hay không.

Xét thấy, số tiền 4.413.249.600 đồng nguyên đơn khởi kiện theo các tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn và bị đơn bà T cũng chuyển lại cho nguyên đơn nhiều lần qua nhiều ngân hàng khác nhau với nhiều nội dung nhưng cấp sơ thẩm không điều tra thu thập chứng cứ bên phía các

ngân hàng để đối chiếu các khoản nợ theo các sao kê có phù hợp với số tiền các đương sự yêu cầu hay không?

Theo trình bày của bà T thì các tin nhắn của các đương sự nhắn qua lại với nhau từ năm 2018 đến năm 2021 thì bà T cho rằng bà là người cho vay còn bà H là người vay tiền. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không điều tra, đối chất làm rõ các nội dung nêu trên mà chỉ căn cứ vào các giao dịch phát sinh giữa hai số tài khoản 104000415426 của bà Ngô Thị Trúc H và số tài khoản số 0231000589306 của bà Nguyễn Thị T để giải quyết là thiếu sót.

Xét yêu cầu của bị đơn về đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thanh T, địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ngày 22/8/2022 nguyên đơn có đơn thay đổi họ tên bị đơn là Nguyễn Thị T, địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra bị đơn cho rằng khi hoãn phiên tòa Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt quyết định hoãn cho các đương sự là không có căn cứ, bởi lẽ: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã ủy quyền cho ông Võ Hữu D tham gia tố tụng, sau khi ban hành quyết định hoãn phiên tòa Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn (BL883) và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Hữu D (BL882 và 884). Việc bị đơn cho rằng Đơn khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án ngày 11/5/2022 nhưng trước đó 10 ngày (tức là ngày 01/5/2022) đã có thông báo thụ lý vụ án, xét thấy đây là sai sót trong quá trình soạn thảo và ban hành văn bản, sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chỉnh sửa lại ngày thụ lý là ngày 01/06/2022. Đối với những sai sót trên tuy đã được khắc phục nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ và việc chứng minh toàn diện vụ án chưa được đầy đủ nên cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn; căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Về án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị T không phải chịu án dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2021/0021468 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận;

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn